

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 16/2011/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Thọ, ngày 30 tháng 8 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số:120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi dưỡng, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1020/TT-STC ngày 18/8/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ như sau:

1. Phân loại khu vực:

a) Khu vực 1: Gồm các xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

b) Khu vực 2: Gồm các xã của huyện Thanh Sơn, Tân Sơn và Yên Lập.

c) Khu vực 3: Gồm thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập và các xã, thị trấn của các huyện: Đoan Hùng (trừ thị trấn Đoan Hùng và xã Sóc Đăng); huyện Hạ Hòa; huyện Cẩm Khê; huyện Thanh Ba (trừ thị trấn Thanh Ba, xã Ninh Dân và xã Yên Nội); huyện Thanh Thủy (trừ thị trấn Thanh Thủy, xã Bảo Yên và xã Hoàng Xá); huyện Tam Nông (trừ thị trấn Hưng Hóa và xã Cổ Tiết); huyện Phù Ninh (trừ các xã, thị trấn sau đây: Thị trấn Phong Châu, xã Phú Lộc, xã Phù Ninh, xã Tử Đà, xã An Đạo, xã Tiên Du và xã Vĩnh Phú).

d) Khu vực 4: Gồm thị trấn Đoan Hùng, xã Sóc Đăng huyện Đoan Hùng; thị trấn Thanh Ba, xã Ninh Dân, xã Yên Nội, huyện Thanh Ba; thị trấn Thanh Thủy, xã Bảo Yên, xã Hoàng Xá huyện Thanh Thủy; thị trấn Thanh Sơn huyện Thanh Sơn; thị trấn Hưng Hóa, xã Cổ Tiết huyện Tam Nông; thị trấn Phong Châu, xã Phú Lộc, xã Phù Ninh, xã Tử Đà, xã An Đạo, xã Tiên Du, xã Vĩnh Phú huyện Phù Ninh; huyện Lâm Thao; thị xã Phú Thọ và thành phố Việt Trì.

2. Đơn giá thuê đất hàng năm:

a) Đơn giá thuê đất được xác định bằng tỷ lệ % (phần trăm) nhân với giá đất theo mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hoặc quyết định.

Mục đích sử dụng đất thuê được xác định theo mục đích ghi trong quyết định cho thuê đất. Trường hợp không có quyết định cho thuê đất hoặc trong quyết định cho thuê đất không ghi mục đích sử dụng đất thì mục đích sử dụng đất thuê được xác định theo hợp đồng thuê đất.

Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định là giá đất tại bảng giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố vào ngày 01 tháng 01 hàng năm.

Giá đất được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định là giá đất cụ thể đối với từng thửa đất theo quy hoạch được duyệt trong trường hợp giá đất tại bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chưa sát với giá chuyên nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường mà phải xác định lại cho phù hợp.

Phương pháp xác định giá đất để tính thu tiền thuê đất được thực hiện theo các quy định của Chính phủ.

Tỷ lệ % (phần trăm) để xác định đơn giá thuê đất 01 năm được quy định như sau:

STT	Địa bàn áp dụng	Mức áp dụng (%)
1	Khu vực 1	0,75
2	Khu vực 2	0,90
3	Khu vực 3	1,50
4	Khu vực 4	2,10

b) Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) được xác định bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt có cùng mục đích sử dụng và cùng vị trí, khu vực.

3. Đơn giá thuê mặt nước:

Mặt nước không thuộc phạm vi quy định tại Điều 13 Luật Đất đai năm 2003; áp dụng cho diện tích 01km², trong thời gian 01 năm, được quy định như sau:

Đơn vị: Đồng/km²/năm

STT	Địa bàn áp dụng	Dự án sử dụng mặt nước cố định	Dự án sử dụng mặt nước không cố định
1	Khu vực 1	30.000.000,0	80.000.000,00
2	Khu vực 2	45.000.000,00	100.000.000,00
3	Khu vực 3	65.000.000,00	170.000.000,00
4	Khu vực 4	100.000.000,00	250.000.000,000

Điều 2. Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước quy định tại Điều 1 Quyết định này được ổn định trong thời gian 05 năm để áp dụng tính tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các tổ chức, cá nhân thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005; Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Các nội dung khác không quy định trong Quyết định này được thực hiện theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005; Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Các trường hợp phát sinh kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2011 được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ; Thông tư số 94/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và quy định tại Quyết định này.

Quyết định này thay thế các Quyết định: Số 3996/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định đơn giá thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 4656/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc bổ sung Quyết định số 3996/2009/QĐ-UBND ngày 20/11/2009

của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; các quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Dân Mạc (Đã ký)